TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 07-03-2018
"V/v tranh chấp: ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2/ Bà Lê Thị Thận;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2017/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2017, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Th, sinh năm: 1972
Cư trú tại: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Anh H, sinh năm: 1972
Cư trú tại: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Chị Bùi Thị Thu Th, sinh năm: 1986
Cư trú tại: Khu T, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
2/ Chị Nguyễn Thị Ái H, sinh năm: 1978
Cư trú tại: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
3/ Chị Huỳnh Thị Kiều V, sinh năm: 1996
4/ Anh Điểu K, sinh năm: 1970
5/ Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1976
Cùng cư trú tại: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

6/ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1977
Cư trú tại: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước
7/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V
Địa chỉ: Số 2, đường L, p. T, quận B, TP. Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch HĐTV
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T
Địa chỉ: Quốc lộ 14, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
8/ Ngân hàng chính sách xã hội V
Địa chỉ: CC5, Bán đảo L, quận H, TP. Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh D
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hạp Tiến Kh
Cư trú tại: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Anh H tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ký ngày 14 tháng 02 năm 1995. Trong thời gian chung sống thì mâu thuẫn đã xảy ra như gây gỗ, đánh đập, không có tiếng nói chung nhưng không đáng kể. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn càng lúc càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong việc dạy dỗ con, về kinh tế gia đình, bản thân anh H thường xuyên say xỉn. Khi chị đóng góp ý kiến thì anh H không nghe, không tôn trọng chị. Mặt khác, anh H không tin tưởng chị, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác. Chị đã cố gắng khắc phục nhưng cuộc sống hôn nhân của chị và anh H không cải thiện được. Bên cạnh đó anh H có quan hệ bất chính với người khác, chị bắt gặp nhiều lần nhưng anh H không thừa nhận mà còn đánh đập chị, ngăn cản không cho chị về nhà và thăm con. Đến năm 2015 thì chị và anh H sống ly thân cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, việc tiếp tục chung sống không mang lại hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Chị và anh H có 03 con chung tên là Huỳnh Thị Kiều V sinh năm 1996, Huỳnh Thị Kiều H sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Kiều T sinh năm 2003.

Cháu V và cháu H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Đối với cháu T, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/ tháng. Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị và anh H có các tài sản chung gồm:

Diện tích đất 2106,9m^2 tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có 01 căn nhà gỗ diện tích 60m^2 và cây điều. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 953799, ký ngày 09/6/2014 đứng tên Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th

Diện tích đất 24540,7m^2, trên đất trồng cây cà phê tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 837738, ký ngày 11/5/2015 đứng tên Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th

Diện tích đất 7805,9m^2, trên đất trồng cây điều tọa lạc tại thôn S, xã P huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 953683, ký ngày 09/6/2014 đứng tên Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản, chị có nguyện vọng nhận bằng hiện vật là diện tích đất 7805,9m^2 và ½ diện tích đất 24540,7m^2, tài sản còn lại giao cho anh H và bên nào nhận tài sản nhiều hơn thì trả tiền chênh lệch về tài sản.

Ngoài ra, chị và anh H còn mua điều bông từ năm 2015 đến năm 2019 trên diện tích đất 02 ha tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước của ông Điểu K. Chị yêu cầu chia đôi hoa lợi từ vườn điều mua bán điều bông này. Tại phiên tòa chị xin rút yêu cầu giải quyết về hoa lợi đối với vườn điều này.

Về nợ chung: Chị và anh H có các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 250.000.000đ; Nợ chị Nguyễn Thị Ái H số tiền 50.000.000đ; Nợ chị Nguyễn Thị M số tiền 10.000.000đ; Nợ chị Huỳnh Thị Kiều V số tiền 10.000.000đ; Nợ chị Bùi Thị Th số tiền 5.000.000đ; Nợ chị Nguyễn Thị Tr số tiền 5.000.000đ và nợ Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 20.000.000đ. Sau khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi số nợ nói trên.

Tại phiên tòa: Chị khai nhận hiện nay vợ chồng chị còn nợ lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 250.000.000đ và Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 20.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi số nợ nói trên. Các khoản nợ khác đã trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Anh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Anh và chị Th chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì, phía chị Th không làm tròn trách nhiệm của người vợ, có quan hệ với người khác nên các bên mới gây gỗ, đánh nhau. Đến ngày 12/9/2012 thì chị Th đã tự bỏ nhà đi và giao lại toàn bộ tài sản, nợ và con chung cho anh. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hiện nay anh không còn thương yêu chị Th, không muốn chung sống với chị Th, nhưng đối với yêu cầu ly hôn của chị Th anh không đồng ý ly hôn, chỉ đồng ý sống ly thân vì mâu thuẫn của vợ chồng là chuyện nội bộ của gia đình và anh không muốn con cái xấu hổ vì việc ly hôn của bố mẹ.

- Về nuôi con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Th. Sau khi ly hôn anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu T, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu V đã thành niên và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Th. Toàn bộ số tài sản chị Th yêu cầu giải quyết là tài sản chung của anh và chị Th. Tuy nhiên, anh không đồng ý chia đôi tài sản theo yêu cầu của chị Th. Lý do: Năm 2015 trước khi chị Th đi thì chị Th và anh có thỏa thuận giao hết toàn bộ tài sản chung cho anh quản lý, sử dụng, thu hoa lợi để trả nợ và nuôi con. Việc thỏa thuận trên không lập giấy tờ, có người làm chứng.

- Về nợ chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Th về số nợ chung. Trong các khoản nợ chung mà chị Th kê khai thì anh đã trả nợ cho chị H, chị M, chị V, chị Th và chị Tr. Các khoản nợ này anh trả vào năm 2015, năm 2016. Số tiền dùng để trả nợ là từ hoa lợi thu được từ tài sản chung. Hiện nay anh và chị Th còn nợ lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 250.000.000đ và Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 20.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2017 anh H khai: Hiện nay anh và chị Th thỏa thuận, giao cho chị Th quản lý, sử dụng diện tích đất 7805,9m^2, trên đất trồng cây điều tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước và chị Th chịu trách nhiệm trả hai khoản nợ vay Ngân hàng. Hai tài sản còn lại giao cho anh quản lý, sử dụng. Do đó, anh không đồng ý yêu cầu của chị Th về việc chia đôi số nợ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thu Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Thu Th trình bày:* Vào năm 2014 chị có cho vợ chồng anh H chị Th vay số tiền 5.000.000đ. Số tiền này do anh H chị Th cùng vay. Đến nay anh H chị Th chưa trả số tiền

trên. Nay anh H chị Th ly hôn chị yêu cầu anh H chị Th trả chị số tiền vay 5.000.000đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị M trình bày:* Trong năm 2015 (không nhớ ngày, tháng) chị có cho anh H vay số tiền 10.000.000đ. Khi vay có làm giấy tờ vay. Đến khoảng cuối năm 2015 anh H đã trả chị số tiền vay và hai bên đã hủy giấy tờ vay. Đến thời điểm nay anh H chị Th không có khoản tiền nào nợ chị nên chị không có liên quan gì đến vụ án ly hôn của anh H chị Th, chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của vụ án và chị không có yêu cầu nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Tr trình bày:* Chị là bà con bên nhà anh H. Vào ngày 01 tháng 10 năm 2015 chị có cho vợ chồng anh H chị Th vay số tiền 5.000.000đ, hẹn đến mùa cà phê sẽ trả. Khi vay có làm giấy tờ. Đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2016 (không nhớ rõ ngày, tháng) anh H đã trả chị số tiền vay. Đến thời điểm này anh H chị Th không còn nợ chị số tiền nào. Hiện nay chị không chị không có liên quan gì đến vụ án ly hôn của anh H chị Th, chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của vụ án và chị không có yêu cầu nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Kiều V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Kiều V trình bày:* Chị là con ruột của ông H bà Th. Do là quan hệ ruột thịt nên mỗi lần ba mẹ chị kẹt tiền thì ba mẹ có vay tiền của chị nhiều lần. Tổng cộng số tiền vay là 10.000.000đ. Việc vay tiền không làm giấy tờ. Mục đích ông H bà Th vay tiền là để chi tiêu trong gia đình. Số tiền vay nói trên bà Th đã trả. Hiện nay giữa chị và ông H bà Th không có nợ số tiền nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ái H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ái H trình bày:* Chị và vợ chồng ông H bà Th là chỗ quen biết. Vào năm 2013 chị có cho vợ chồng ông H bà Th vay số tiền 50.000.000đ. Việc vay tiền không thế chấp tài sản, không thỏa thuận về lãi suất. Ông H bà Th vay số tiền này để mua rẫy. Hiện nay, ông H bà Th đã trả cho chị số tiền. Nay vợ chồng ông H bà Th ly hôn chị không có yêu cầu gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điểu K vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Điểu K trình bày:* Anh có thỏa thuận việc mua bán điều bông với vợ chồng ông H bà Th với thời hạn là 04 năm từ mua điều năm 2016 đến mùa điều năm 2020. Diện tích đất mua bán điều bông tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước có diện tích khoảng 1,4ha. Giá mua bán điều bông là 10.000.000đ/1 năm. Việc mua bán có

làm giấy tờ. Vào ngày thỏa thuận mua bán điều bông thì có mặt ông H và bà Th. Nay ông H bà Th yêu cầu giải quyết ly hôn, anh không có ý kiến gì. Anh đồng ý tiếp tục thực hiện việc mua bán điều bông theo như thỏa thuận. Việc quyết định giao vườn điều mua bán điều bông anh đồng ý theo sự thỏa thuận của ông H, bà Th hoặc theo quyết định của Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng chính sách xã hội V trình bày:* Ngày 15 tháng 5 năm 2015 vợ chồng ông H bà Th có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền là 20.000.000đ. Thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/5/2018. Hình thức vay tín chấp, không thế chấp tài sản nào, vay vốn theo diện hộ san xuất kinh doanh vùng khó khăn với lãi suất là 0,8%/ tháng. Hiện nay ông H bà Th vẫn đang nợ Ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000đ, tiền lãi ông H bà Th đã trả đến ngày 14 tháng 12 năm 2016 là 3.087.995đ. Mặc dù số nợ vay của Ngân hàng chưa đến hạn nhưng để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng và nguồn vốn của Nhà nước nên Ngân hàng yêu cầu ông H và bà Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền 20.000.000đ và tiền lãi cho đến khi tất toán xong số nợ. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V trình bày:* Ngày 30 tháng 3 năm 2016 vợ chồng ông H bà Th có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước với số tiền là 250.000.000đ. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 7%/năm. Khi vay ông H bà Th có thế chấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BM953799 với diện tích 2.106,9m^2; giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 953683 với diện tích 7.805,5m^2; giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BX837738 với diện tích 24.540,7m^2. Việc vay vốn có ký kết hợp đồng tín dụng số 560LAV201601726. Đến hạn trả nợ, ông H bà Th làm thủ tục đáo hạn và hạn trả nợ được phân làm 02 lần trả nợ, lần 1 trả 10.000.000đ tiền gốc (chưa tính lãi phát sinh) vào ngày 28/3/2018 và lần 2 trả tiền gốc 240.000.000đ (chưa tính lãi phát sinh) vào ngày 28/3/2019. Nay ông H bà Th chưa đến hạn trả nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ nói trên trong vụ án ly hôn này. Nếu ông H bà Th để khoản vay bị quá hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ông H bà Th trong vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quyđịnh của pháp luật từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Th.

Về nuôi con chung: Cháu H và cháu V đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu T giao cháu cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Th và anh H đều thừa nhận các tài sản chị Th yêu cầu giải quyết là tài sản chung. Căn cứ vào Điều 33 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia đôi tài sản của nguyên đơn, cụ thể:

+ Chia đôi diện tích đất 24540,7m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 24601,5m^2) tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 và giao mỗi bên sử dụng, quản lý ½ diện tích đất nói trên.

+ Giao diện tích đất 2106,9m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 1946,3m^2) thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 15 tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước, trên đất có 01 căn nhà bán kiên cố có diện tích 6,4m x 4,6m cho anh Huỳnh Anh H quản lý, sử dụng.

+ Giao diện tích đất 7805,9m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 10756,5m^2) thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 04 cùng tài sản có trên đất (cây điều) tọa lac tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước cho chị Đỗ Thị Th quản lý, sử dụng.

+ Chị Th, anh H nhận phần tài sản có giá trị lớn hơn phần tài sản mình được nhận thì có trách nhiệm trả lại phần tài sản chênh lệch cho người nhận phần tài sản thấp hơn phần tài sản mình được nhận.

Về nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia đôi hoa lợi của diện tích đất thỏa thuận mua bán điều bông;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội V về việc trả số tiền vay và tiền lãi;

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân;
- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự;
- Biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 11-4-2017 + Bản đồ trích đo;
- Biên bản định giá tài sản ngày 31-5-2017;
- Biên bản hòa giải ngày 03-3-2017;
- Công văn trả lời của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B;
- Công văn trả lời của Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B;
- Lời khai của người làm chứng Thái Hồng H, Nguyễn Bá H
- Tài liệu do Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B cung cấp;
- Tài liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B cung cấp;
- Công văn số 777/UBND-NC ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

- Đều thừa nhận Huỳnh Thị Kiều V, sinh năm 1996, Huỳnh Thị Kiều H sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Kiều T sinh năm 2002 là con chung của anh H và chị Th;
- Nguồn gốc của các tài sản đang tranh chấp là tài sản có được là do nhận sang nhượng sau khi kết hôn, thừa nhận là tài sản chung của anh H và chị Th;
- Việc vay tiền của chị Nguyễn Thị Ái H, chị Huỳnh Thị Kiều V, chị Nguyễn Thị Tr, chị Nguyễn Thị M, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước là nợ chung của anh H và chị Th.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất:

- Việc đăng ký kết hôn; Mâu thuẫn của vợ chồng;
- Không thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn;
- Không thống nhất về việc chia tài sản chung khi ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Anh H (là bị đơn) và chị Bùi Thị Thu Th, chị Nguyễn Thị Ái H, chị Huỳnh Thị Kiều V, anh Điểu K, chị Nguyễn Thị Tr, chị Nguyễn Thị M, Ngân hàng chính sách xã hội V, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Anh H, chị Bùi Thị Thu Th, chị Nguyễn Thị Ái H, chị Huỳnh Thị Kiều V, anh Điểu K, chị Nguyễn Thị Tr, chị Nguyễn Thị M, Ngân hàng chính sách xã hội V, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Anh H khai nhận anh và chị Đỗ Thị Th chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật (Bút lục số 37, 55). Chị Đỗ Thị Th khai nhận chị và anh Huỳnh Anh H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14 tháng 02 năm 1995. Lời khai của chị Đỗ Thị Th phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (Bút lục số 13). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch". Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Th và anh Huỳnh Anh H là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Chị Đỗ Thị Th thừa nhận chị Đỗ Thị Th không còn tình cảm với anh Huỳnh Anh H, chị Đỗ Thị Th nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Đỗ Thị Th yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Anh H. Anh Huỳnh Anh H cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không thừa nhận lời khai của chị Đỗ Thị Th. Anh Huỳnh Anh H cho rằng do chị Đỗ Thị Th ngoại tình, không làm tròn trách nhiệm của người vợ nên đến tháng 9 năm 2015 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Th, anh Huỳnh Anh H không đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn của anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th: Chị Đỗ Thị Th khai từ lúc chung sống với nhau anh Huỳnh Anh H thường xuyên say xỉn, kiếm chuyện gây gỗ với vợ con. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ năm 2010. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc làm kinh tế, không tin tưởng nhau về tiền bạc. Mặt khác, anh Huỳnh Anh H không chung thủy, có quan hệ bất chính với người khác, việc uống rượu, say xỉn và đánh đập chị càng thường xuyên hơn. Chị Đỗ Thị Th nhiều lần khuyên can anh Huỳnh Anh H nhưng không có kết quả. Đến năm 2015 thì vợ chồng sống

ly thân cho đến nay. Lời khai của chị Đỗ Thị Th phù hợp với lời khai của người làm chứng (Bút lục số 40). Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh H vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh H thừa nhận anh đồng ý sống ly thân với chị Th vì không còn muốn chung sống với chị Th, nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là chuyện nội bộ của gia đình, việc giải quyết ly hôn làm con cái xấu hổ. Như vậy, nguyện vọng đoàn tụ của anh H không phải xuất phát từ mong muốn xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phải xuất phát từ tâm tư tình cảm của mình, mà vì lợi ích cá nhân khác. Do đó, không đủ cơ sở chấp nhận nguyện vọng đoàn tụ của anh H.

[4] Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị Th và anh Huỳnh Anh H đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Huỳnh Thị Kiều V, sinh năm 1996, Huỳnh Thị Kiều H sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Kiều T sinh năm 2002. Chị Đỗ Thị Th và anh Huỳnh Anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Thị Kiều H và Huỳnh Thị Kiều V. Đối với Huỳnh Thị Kiều V không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "1. Người thành niên là người từ đủ mười tám tuổi trở lên. 2. Người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ……". Căn cứ vào khoản 1 Điều 81 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xác định Huỳnh Thị Kiều T và Huỳnh Thị Kiều V là người đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Đối với yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kiều T: Xét cháu Huỳnh Thị Kiều T có nguyện vọng được mẹ (chị Đỗ Thị Th) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (bút lục số 39). Hiện cháu Huỳnh Thị Kiều Tiên đang ở lứa tuổi dậy thì cần sự chăm sóc chu đáo, yêu thương, lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng của người mẹ. Hiện nay, chị Đỗ Thị Th là người chu cấp về tiền bạc, lo chi phí ăn học của cháu Huỳnh Thị Kiều T và là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kiều T nên cần giao cháu Huỳnh Thị Kiều T cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị Đỗ Thị Th đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu Huỳnh Thị Kiều T, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận

nguyện vọng của chị Đỗ Thị Th giao cháu Huỳnh Thị Kiều T cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Đỗ Thị Th khai nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị tạo lập được các tài sản gồm:

- Diện tích đất 2106,9m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 1946,3m^2) thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 15 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00687, ký ngày 09-6-2014 đứng tên ông Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th. Diện tích đất tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có 01 nhà bán kiên cố có diện tích 6,4m x 4,6m, 01 nhà mái vòm có diện tích 6,4m x 4,6m và 57 cây điều có độ tuổi từ 9 năm đến 10 năm;

- Diện tích đất 7805,9m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 10756,5m^2) thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 04 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00866, ký ngày 09-6-2014 đứng tên ông Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th. Diện tích đất tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có trồng cây điều có độ tuổi từ 11 năm đến 15 năm với mật độ cây trồng là 240 cây/1ha;

- Diện tích đất 24540,7m^2 (diện tích đất đo đạc thực tế là 24601,5m^2) thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01362 ký ngày 11-5-2015 đứng tên ông Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th. Diện tích đất tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có trồng cây cà phê trồng từ năm 2013 đến năm 2015 với mật độ cây trồng 3m x 3m, 50 cây điều trồng năm 2013 và cây sầu riêng

(Theo kết quả biên bản xem xét, thẩm định tài sản bút lục số 91 đến bút lục số 96)

Chị Đỗ Thị Th xác định toàn bộ tài sản nói trên là tài sản chung của vợ chồng và chị Đỗ Thị Th yêu cầu chia đôi tài sản. Anh Huỳnh Anh H thừa nhận các tài sản nói trên là tài sản do vợ chồng nhận sang nhượng trong thời kỳ hôn nhân và đồng ý các tài sản nói trên là tài sản chung của vợ chồng nhưng không đồng ý chia đôi tài sản (Bút lục số 37, 44). Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh" và

khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng….". Như vậy, có đủ cơ sở xác định các tài sản nói trên là tài sản chung của anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th.

Xét yêu cầu chia đôi tài sản và nguyện vọng nhận tài sản bằng hiện vật của nguyên đơn chị Đỗ Thị Th: Khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây ….." và khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch". Như vậy, yêu cầu của chị Đỗ Thị Th là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Th chia đôi tài sản, cụ thể: Chia đôi diện tích đất 24601,5m^2 (Diện tích đất được cấp giấy CNQSDĐ là 24540,7m^2) cùng tài sản có trên đất (Cây cà phê trồng từ năm 2013 đến năm 2015 với mật độ cây trồng 3m x 3m cùng cây điều và cây sầu riêng) thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước thành 02 phần là 11731,1m^2 và 12870,4m^2; Giao diện tích đất 11731,1m^2 cùng tài sản có trên đất (cây cà phê trồng từ năm 2013 đến năm 2015 với mật độ cây trồng 3m x 3m cùng cây điều và cây sầu riêng) cho chị Đỗ Thị Th quản lý, sử dụng và diện tích đất 12870,4m^2 cùng tài sản có trên đất (cây cà phê trồng từ năm 2013 đến năm 2015 với mật độ cây trồng 3m x 3m cùng cây điều và cây sầu riêng) cho anh Huỳnh Anh H quản lý, sử dụng.

Đối với diện tích đất 1946,3m^2 (diện tích đất được cấp GCNQSDĐ là 2106,9m^2) thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 15 tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước, trên đất có 01 căn nhà bán kiên cố có diện tích 6,4m x 4,6m và 01 nhà mái vòm có diện tích 6,4m x 4,6m nên không thể chia đôi bằng hiện vật nên giao tài sản này cho một bên quản lý, sử dụng. Theo lời khai của chị Đỗ Thị Th thì diện tích đất 1946,3m^2 thì trên đất có 01 căn nhà là nơi thờ cúng bên gia đình anh Huỳnh Anh H, hiện nay anh Huỳnh Anh H thường xuyên lui tới để chăm nom, bản thân chị Đỗ Thị Th đã có nơi cư trú khác nên chị Đỗ Thị Th có nguyện vọng giao diện tích đất 1946,3m^2 cùng tài sản có trên đất cho anh Huỳnh Anh H quản lý, sử dụng và chị Đỗ Thị Th nhận diện tích đất 10756,5m^2 cùng tài sản có trên đất thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vì hiện nay chị Đỗ Thị Th đang quản lý, sử dụng và thu hoa lợi của diện tích đất này để lo các chi phí ăn học cho con cái và chi tiêu trong gia đình. Xét, yêu cầu của chị Đỗ Thị Th là có căn cứ, phù hợp với nhu cầu thực tế, điều kiện trực tiếp sử dụng của các bên nên được chấp nhận. Mặt khác, anh Huỳnh Anh H đã được Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên tự từ bỏ quyền

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, giao diện tích đất 10756,5m^2 (Diện tích đất được cấp giấy CNQSDĐ là 7805,9m^2) cùng tài sản có trên đất (cây điều) thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước cho chị Đỗ Thị Th quản lý, sử dụng; Giao diện tích đất 1946,3m^2 (Diện tích đất được cấp GCNQSDĐ là 2106,9m^2) thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 15 tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước, trên đất có 01 căn nhà bán kiên cố có diện tích 6,4m x 4,6m, 01 nhà mái vòm có diện tích 6,4m x 4,6m và 57 cây điều có độ tuổi từ 9 năm đến 10 năm cho anh Huỳnh Anh H quản lý, sử dụng.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 31-5-2017 (Bút lục số 104) thì tổng tài sản có giá trị là 1.245.564.000đ. Vì vậy, một phần hai tài sản có giá trị 622.782.000đ. Xét: Phần tài sản mà chị Đỗ Thị Th được nhận có giá trị là: Diện tích đất 10756,5m^2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) có giá trị là 322.695.000đ và diện tích đất 11731,1m^2 cùng tài sản có trên đất có giá trị là 293.277.000đ. Tổng giá trị tài sản mà chị Đỗ Thị Th nhận được có giá trị là 615.972.000đ. Phần tài sản mà anh Huỳnh Anh H được nhận có giá trị là: Diện tích đất 1946,3m^2 và tài sản có trên đất có giá trị là 307.832.000đ và diện tích đất 12870,4m^2 cùng tài sản có trên đất có giá trị là 321.760.000đ. Tổng giá trị tài sản mà anh Huỳnh Anh H được nhận có giá trị là 629.592.000đ nhiều hơn phần giá trị mà anh Huỳnh Anh H được nhận nên anh Huỳnh Anh H có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền chênh lệch về tài sản là 6.810.000đ.

[6] Xét yêu cầu của bị đơn anh Huỳnh Anh H đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận nội dung sau: Giao diện tích đất 10756,5m^2 cùng tài sản có trên đất thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước cho chị Đỗ Thị Th sử dụng, quản lý và chị Đỗ Thị Th có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước và Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước (bút lục số 44). Tại phiên tòa chị Đỗ Thị Th không đồng ý yêu cầu của anh Huỳnh Anh H, chị Đỗ Thị Th giữ nguyên yêu cầu chia đôi tài sản và chia đôi khoản nợ chung. Mặt khác, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước và Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước đều xác nhận khoản nợ vay tại Ngân hàng là nợ chung của hai vợ chồng và yêu cầu anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm liên đới trả hết số tiền vay. Như vậy, việc công nhận sự thỏa thuận nói trên sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người thứ ba (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước và Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước). Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Anh H.

[7] Đối với yêu cầu giải quyết về hoa lợi từ việc mua bán điều bông trên diện tích đất 02 ha của anh Điểu K mùa vụ năm 2015 đến mùa vụ năm 2019. Ngày 08 tháng 12 năm 2017 chị Đỗ Thị Th có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với việc chia hoa lợi từ vườn điều thỏa thuận mua bán điều bông với anh Điểu K. Anh Điểu K không có yêu cầu độc lập về việc mua bán điều bông này và không có ý kiến gì. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Đỗ Thị Th về yêu cầu chia hoa lợi từ vườn điều mua bán điều bông; nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th đều thừa nhận vợ chồng anh chị có vay tiền của chị Nguyễn Thị Ái H, chị Huỳnh Thị Kiều V, chị Nguyễn Thị Tr, chị Nguyễn Thị M, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước.

Chị Nguyễn Thị Ái H, chị Huỳnh Thị Kiều V, chị Nguyễn Thị Tr và chị Nguyễn Thị M đều thừa nhận anh Huỳnh Anh H, chị Đỗ Thị Th đã trả số tiền vay, hiện nay không còn nợ số tiền nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền cho vay (bút lục số 41, 42, 45, 46) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với các khoản nợ vay nói trên.

Đối với số tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước: Ngân hàng xác nhận hộ ông Huỳnh Anh H có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 250.000.000đ và thế chấp 03 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay chưa đến hạn trả nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này. Nếu để khoản vay bị quá hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ông Huỳnh Anh H trong vụ án khác. Do Ngân hàng không có yêu cầu độc lập với số tiền cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền vay nói trên.

[9] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thu Th: Theo lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2017 (tại bút lục số 68) chị Bùi Thị Thu Th khai nhận vào năm 2014 chị Bùi Thị Thu Th có cho anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th vay số tiền 5.000.000đ. Số tiền vay này là nợ chung của anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th. Nay anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th ly hôn chị Bùi Thị Thu Th yêu cầu Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th trả số tiền vay. Ngày 10 tháng 11 năm 2017 Tòa án giao cho chị Bùi Thị Thu Th thông báo về việc nộp đơn yêu cầu độc lập số 01/TB-TA ngày 09 tháng 11 năm 2017. Tuy nhiên, đến nay chị Bùi Thị Thu Th không thực hiện theo nội dung thông báo về việc nộp đơn yêu cầu độc lập số 01/TB – TA ngày 09 tháng

11 năm 2017 coi như tự từ bỏ việc yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thu Th.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th phải trả số tiền vay 20.000.000đ và tiền lãi đến ngày tất toán số tiền vay. Tuy nhiên, ngày 01-12-2017 Ngân hàng chính sách xã hội V có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội V về yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi; nếu sau này Ngân hàng chính sách xã hội V khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc: Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc là 23.674.000đ. Căn cứ vào Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc anh Huỳnh Anh H và chị Đỗ Thị Th phải chịu ½ phần chi phí thẩm định, định giá tài sản là 11.837.000đ. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc chị Đỗ Thị Th đã nộp tạm ứng trước nên anh Huỳnh Anh H có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 11.837.000đ.

[12] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định "Trường hợp các đương sự không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đó thì mỗi đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng". Do đó, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ và 20.911.200đ án phí chia tài sản chung. Bị đơn anh Huỳnh Anh H phải nộp tiền 20.911.200đ án phí chia tài sản chung.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 33; Điều 51; Điều 55 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Th, chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Huỳnh Anh H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Kiều T sinh năm 2003 cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Anh H, chị Đỗ Thị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với Huỳnh Thị Kiều V sinh năm 1996 và Huỳnh Thị Kiều H sinh năm 1998 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự không ai yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung:

Giao cho chị Đỗ Thị Th quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất thực tế là 11731,1m^2 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 11-4-2017 cùng tài sản có trên đất (cây cà phê, cây điều, cây sầu riêng) thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01362, ký ngày 11-5-2015 với diện tích đất 24540,7m^2 đứng tên ông Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th. Tài sản có giá trị 293.277.000đ

- Diện tích đất thực tế là 10756,5m^2 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 11-4-2017 thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước với có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M; Phía Nam giáp đường; Phía Đông giáp đường. Trên đất có trồng cây điều có độ tuổi từ 11 năm đến 15 năm với mật độ cây trồng là 240 cây/1ha. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00866, ký ngày 09-6-2014 với diện tích 7805,9m^2 đứng tên ông Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th. Tài sản có giá trị là 322.695.000đ.

Giao cho anh Huỳnh Anh H quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất thực tế là 1946,3m^2 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 11-4-2017 thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước với tứ cận: Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị T; Phía Nam giáp đường quốc lộ 14 cũ; phía Tây giáp đất ông Lê Văn U; Phía Đông giáp đất của ông Trương Duy T. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00687, ký ngày 09-6-2014 với diện tích đất 2106,9m^2 đứng tên ông Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th. Trên đất có 01 nhà bán kiên cố có diện tích 6,4m x 4,6m, 01 nhà mái vòm có diện tích 6,4m x 4,6m và 57 cây điều có độ tuổi từ 9 năm đến 10 năm. Tài sản có giá trị là 307.832.000đ

- Diện tích đất thực tế là 12870,4m^2 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 11-4-2017 cùng tài sản có trên đất (cây cà phê, cây điều, cây sầu riêng) thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01362 ký ngày 11-5-2015 với diện tích đất 24540,7m^2 đứng tên ông Huỳnh Anh H và Đỗ Thị Th. Tài sản có giá trị là 321.760.000đ;

Anh Huỳnh Anh H có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền chênh lệch về tài sản là 6.810.000đ.

Anh Huỳnh Anh H, chị Đỗ Thị Th có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Th về việc chia hoa lợi từ diện tích đất mua bán điều bông. Nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội V về yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi; nếu sau này Ngân hàng chính sách xã hội V khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

6. Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

7. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Buộc anh Huỳnh Anh H trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 11.837.000đ.

8. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Th phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 20.911.200đ án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 4.125.000đ theo biên lai thu tiền số 0021084 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị Đỗ Thị Th phải tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.086.200đ.

Anh Huỳnh Anh H phải nộp án phí chia tài sản chung là 20.911.200đ.

9. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07-3-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

10. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H.Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh